

Số: 04/2025/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 186/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 (số thụ lý mới là 133/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và kể từ ngày đương sự vắng mặt nhận được Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố D, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

* Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Công ty L1 – Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 – Luật sư Công ty L1.

Địa chỉ: Tầng A, số C N, phường H, thành phố B (nay là Tầng A, số C N, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

* Bị đơn: Ông Trương Đình T1, sinh năm 1985 và Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Q, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1994 (vợ ông H)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố D, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trương Đình T1 và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn H tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2025 là 1.855.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu đồng) theo phương án như sau :

- Ngày 30/7/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 (Ba trăm linh chín triệu đồng);
- Ngày 30/8/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu đồng);
- Ngày 30/9/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu đồng);
- Ngày 30/10/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu đồng);
- Ngày 30/11/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu đồng);
- Ngày 30/12/2025: ông T1 bà P có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 309.000.000 đồng (Ba trăm linh chín triệu đồng);

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. 3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H chịu 16.912.500 đồng (Mười sáu triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 33.502.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002641 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Bắc Ninh), hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.589.500 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng). Ông Trương Đình T1 và bà Nguyễn Thị P phải chịu 16.912.500 đồng

(Mười sáu triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hải Yến